

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HS-ST
Ngày 29 - 5 - 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Trường.
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Tất – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 31/2020/HSST ngày 05/5/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-HS ngày 15/5/2020 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh năm 1992 tại Hà Nam; nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L và bà Chu Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 21/7/2011, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Nam xử phạt 40 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; tạm giam ngày 25/02/2020. Có mặt.

- Bị hại: Anh Chu Văn T, sinh năm 1993 và chị Vũ Thị H, sinh năm 1995; cùng trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Lê Văn T, sinh năm 1988; trú tại: Thôn 1, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

+ Anh Chu Thành L, sinh năm 1981; trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

+ Anh Phạm Thế S, sinh năm 1990; trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

+ Anh Chu Văn H, sinh năm 1989; trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 11 giờ ngày 27/12/2019, Phạm Văn T, sinh năm 1992 ở thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam đi bộ qua nhà anh Chu Văn T ở cùng thôn thì thấy cổng sắt phía ngoài khóa, trong nhà không có người nên nảy sinh ý định trộm cắp. T trèo qua cổng vào trong thấy cửa nhà không khóa mà chỉ có móc sắt giữa hai cánh cửa, T nhấc hai móc sắt và đi vào trong buồng ngủ thấy móc đinh trên tường có một túi xách loại túi giả da màu vàng đen, T mở túi ra thấy ngăn giữa có hai chiếc nhẫn kim loại màu vàng, T cầm hai chiếc nhẫn cho vào túi quần rồi đi ra phòng khách thấy một kệ gỗ để ti vi có bốn cánh, trong đó một cánh ngoài cùng khóa. T xuống bếp lấy 01 con dao loại dao phay kích thước khoảng (30x5)cm, chuôi bằng gỗ, dùng tay phải cầm dao đưa lưỡi dao vào khe cánh cửa kệ ti vi làm cánh cửa bật ra và có một ví cầm tay màu tím có số tiền 900.000đồng gồm 5 tờ 100.000đồng và 20 tờ 20.000đồng. T cầm tiền cất vào túi, vứt chiếc ví vào tủ, đóng cửa tủ rồi cầm con dao xuống bếp, sau đó trèo cổng ra ngoài, đến quán Internet thấy Chu Văn H và Phạm Thế S đang chơi điện tử. T rủ H, S đi mua ma túy để sử dụng rồi cả ba đi bộ đến cửa hàng điện thoại di động của anh Chu Thành L ở cùng thôn mượn xe máy nhãn hiệu Wave & màu đỏ (không rõ biển số). S điều khiển xe chở H, T đến khu vực chợ Dầu, huyện H, thành phố Hà Nội tìm mua ma túy để sử dụng. Đến nơi H đưa cho T 300.000đồng để góp mua ma túy, T lấy 200.000đồng góp mua ma túy, khi lấy tiền trong túi ra thì T cầm cả hai chiếc nhẫn ở trên tay thấy vậy S hỏi: “nhẫn ở đâu đấy”, T trả lời: “nhẫn mượn của thằng em”, rồi T đi bộ vào ngõ mua một gói ma túy với giá 500.000đồng của người đàn ông không quen biết và cùng H, S sử dụng hết, S chở H và T đi về, trên đường về T nói với S “anh qua chỗ hiệu vàng ở Nhật Tân để em bán hai chiếc nhẫn này”. Đến hiệu vàng Tư Trung của anh Lê Văn T ở xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam, H đứng ngoài đợi, S và T vào gặp anh T, T nói: “anh cho em bán hai chiếc nhẫn này”, sau khi kiểm tra anh T đã mua hai chiếc nhẫn với giá 2.000.000đồng. Sau khi bán được nhẫn cả ba đến

khu vực chợ Dầu, huyện H, thành phố Hà Nội tìm mua ma túy để sử dụng, sau đó về nhà anh L trả xe mô tô. Số tiền còn lại T sử dụng tiêu sài cá nhân. Khoảng tháng 01 năm 2020 anh L đã bán chiếc xe mô tô trên cho một người không quen biết.

Tại bản kết luận giám định số 375/C09-P4 ngày 31/01/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: Một chiếc nhẫn kim loại màu vàng có các hình kim tiền nối tiếp giống nhau gửi giám định có khối lượng 2,04 gam là vàng trang sức, hàm lượng vàng (Au) 40,82%. Ngoài ra còn có các nguyên tố bạc (Ag), đồng (Cu) và kẽm (Zn), hàm lượng trung bình Ag: 10,53%; Cu: 39,75%; và Zn: 8,90%.

Một chiếc nhẫn kim loại màu vàng có gắn 01 viên đá màu xanh có hình con tỳ hưu gửi giám định có khối lượng 5,68 gam là vàng trang sức, hàm lượng vàng (Au) 41,232%. Ngoài ra còn có các nguyên tố bạc (Ag), đồng (Cu) và kẽm (Zn), hàm lượng trung bình Ag: 5,15%; Cu: 43,85%; và Zn: 9,77%.

Tại bản kết luận giám định số 05/KLGĐTS ngày 19/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Kim Bảng kết luận: Một chiếc nhẫn vàng trang sức có các hình đồng tiền nối tiếp nhau có khối lượng 2,04 gam, hàm lượng vàng 40,82% có giá trị là 1.099.000đồng; một chiếc nhẫn vàng trang sức có gắn một viên đá hình con tỳ hưu màu đỏ xanh khối lượng 5,68gam, hàm lượng vàng 41,23% có giá trị là 2.622.000đồng; viên đá hình con tỳ hưu màu xanh có giá trị không đồng. Tổng giá trị tài sản của hai chiếc nhẫn vàng trên là 3.721.000đồng.

Đối với hành vi của Chu Văn H, Phạm Thế S đi tiêu thụ vàng do T trộm cắp được để mua ma túy sử dụng nhưng không biết tài sản do T trộm cắp mà có; hành vi mua trái phép chất ma túy để sử dụng của T, S, H ngày 27/12/2019 do không thu giữ được chất ma túy; anh Chu Thành L không biết H mượn xe mô tô để mua ma túy sử dụng và chờ T đi bán vàng và đối với anh Lê Văn T không biết hai chiếc nhẫn vàng do T trộm cắp được mà có nên cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý những người trên theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho chị H 02 chiếc nhẫn vàng, 01 túi xách giả da, 01 ví cầm tay. Đối với số tiền 900.000đồng (không thu giữ được) gia đình anh T không yêu cầu, đề nghị gì và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Anh Lê Văn T yêu cầu bị cáo T phải trả lại cho anh số tiền 2.000.000đồng.

Tại bản cáo trạng số 35/CT-VKSKB ngày 05/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng đã truy tố Phạm Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51

Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 25/02/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 con dao kim loại kích thước 23,5cm x5,3cm. Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị về án phí, quyền kháng cáo. Bị cáo nhất trí với cáo trạng, luận tội của Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo nhất trí trả lại số tiền 2.000.000đồng cho anh Trung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Kim Bảng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn T thành khẩn khai báo. Lời khai nhận tội phù hợp với kết luận định giá tài sản, lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Tòa án có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 11 giờ ngày 27/12/2019, tại thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam. Lợi dụng sự sơ hở của gia đình anh Chu Văn T, Phạm Văn T, sinh năm 1992; nơi cư trú thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam đã trèo cổng vào nhà anh T để trộm cắp hai chiếc nhẫn vàng trang sức trị giá 3.721.000đồng và số tiền 900.000đồng. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 4.621.000đồng. Hành vi đó của Phạm Văn T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, đó là quyền sở hữu về tài sản của gia đình anh T. Bị cáo lợi dụng sự sơ hở của gia đình anh T lúc không có người ở nhà, cửa nhà không khóa đã lén lút chiếm đoạt tài sản trị giá 4.621.000đồng làm tài sản của mình mà gia đình anh T không hay biết tài sản của mình đang bị chiếm đoạt. Hành vi của bị cáo

đã gây mất trật tự trị, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương.

[3] Xét về mặt chủ quan của tội phạm bị cáo thực hiện lỗi cố ý, biết rõ tài sản của người khác nhưng vẫn chiếm đoạt nhằm mục đích thỏa mãn cho nhu cầu cá nhân. Do đó hành vi của bị cáo phải xử phạt nghiêm minh, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm chung.

[4] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đó là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng, bị cáo không phải chịu nhưng bị cáo có nhân thân xấu.

[5] Về xử lý vật chứng: Gồm 01 con dao kim loại, chuôi bằng gỗ KT 23,5cm x 5,3cm bị cáo dùng cây cánh tử để trộm cắp tài sản, là vật không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại khoản 1, điểm a điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Đối với yêu cầu của anh Lê Văn T yêu cầu bị cáo T phải trả số tiền 2.000.000đồng vì sau khi anh mua hai nhẫn vàng đã bị cơ quan điều tra thu giữ trả cho bị hại. Căn cứ Điều 579; Điều 580 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo T phải có nghĩa vụ trả cho anh Lê Văn T số tiền 2.000.000đồng là phù hợp.

[7] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì xét thấy bị cáo là người mắc nghiện ma túy, không có tài sản.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định tại Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 332, 333, 234 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 25/02/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 579; Điều 580 BLDS. Buộc bị cáo Phạm Văn T phải có nghĩa vụ trả cho anh Lê Văn T số tiền 2.000.000đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tịch thu tiêu hủy một con dao kim loại, chuôi bằng gỗ, kích thước 23,5cm x5,3cm. (Tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan điều tra Công an huyện Kim Bảng với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng ngày 05/5/2020).

4. Án phí: Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam (để b/c);
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Công an huyện Kim Bảng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt

